TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 05 tháng 01 năm 2023

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)
Phần D.I - Quản lý hành chính nhà nước
Ngày thi: 18/12/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Đoàn Thị Vân Anh	7,50	Bảy phẩy năm	41	Nông Thị Huyền My	8,00	Tám
2	Hoàng Thị Chao	7,50	Bảy phẩy năm	42	Nguyễn Thị Huyền My	8,00	Tám
3	Lôi Thị Chao	8,00	Tám	43	Lý Thị Mùi	8,00	Tám
4	Trần Huệ Chi	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Lục Thị Bích Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
5	Đàm Quang Chiến	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Nông Thị Ngâm	7,50	Bảy phẩy năm
6	Hoàng Ngọc Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	46	Dương Thị Nghiệp	7,50	Bảy phẩy năm
7	Đàm Đức Dũng		***Không đủ ĐK thi***	47	Nguyễn Thị Nhã	7,50	Bảy phẩy năm
8	Phạm Ngọc Điệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	48	Nguyễn Tuyết Nhung	8,00	Tám
9	Nguyễn Minh Đoàn	7,00	Bảy	49	Ma Thị Oanh	7,50	Bảy phẩy năm
10	Lã Thị Giang	8,00	Tám	50	Lý Thị Phúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Đinh Văn Giáp	7,50	Bảy phẩy năm	51	Ngô Thị Phượng	7,50	Bảy phẩy năm
12	Nông Thị Ngân Hà	7,75	Bảy phẩy bảy năm	52	Hoàng Hải Quý	7,50	Bảy phẩy năm
13	Hoàng Thị Thanh Hà	7,50	Bảy phẩy năm	53	Phùng Thị Quỳnh	6,75	Sáu phẩy nảy năm
14	Nông Thị Thúy Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	54	Nông Công Sỹ	7,25	Bảy phẩy hai năm
15	Nông Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	55	Phạm Thị Tài	7,25	Bảy phẩy hai năm
16	Vũ Thị Hằng	8,00	Tám	56	Chu Văn Tình	7,25	Bảy phẩy hai năm
17	Đỗ Thị Hằng	8,00	Tám	57	Lục Toàn Thắng	7,00	Bảy
18	Lâm Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	58	Nông Quốc Thắng	7,50	Bảy phẩy năm
19	Hoàng Thị Thu Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	59	Nguyễn Thị Thuận	7,25	Bảy phẩy hai năm
20	Lục Minh Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	60	Lục Xuân Trường	7,50	Bảy phẩy năm
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	8,00	Tám	61	Phạm Thị Minh Thoa	7,50	Bảy phẩy năm
22	Hoàng Thị Hoan	8,00	Tám	62	Mã Thị Thu	7,00	Bảy
23	Nông Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	63	La Thị Minh Thứ	7,25	Bảy phẩy hai năm
24	Vũ Thị Hồng	7,25	Bảy phẩy hai năm	64	Lại Thị Minh Thúy	7,25	Bảy phẩy hai năm
25	Đồng Thanh Huệ	8,00	Tám	65	Nông Bích Thủy	8,00	Tám
26	Ngân Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	66	Bế Thị Thanh Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
27	Vũ Thị Lan Hương	8,00	Tám	67	Lăng Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
28	Phạm Thị Lan Hương	8,00	Tám	68	Nguyễn Thị Thu Trang	8,00	Tám
29	Nông Thu Hương	7,50	Bảy phẩy năm	69	Phan Thị Thu Trang	8,00	Tám
30	Lý Ánh Hường	7,50	Bảy phẩy năm	70	Lương Quang Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
31	Lục Đức Khánh		***Thôi học***	71	Nguyễn Thị Tuyển	8,00	Tám
32	Lục Thị Kiều	7,75	Bảy phẩy bảy năm	72	Nông Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
33	Lục Thị Phương Lan	7,50	Bảy phẩy năm	73	Bế Xuân Vinh	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Nông Thị Diệu Linh	8,00	Tám	74	Hoàng Trường Vương	7,50	Bảy phẩy năm
35	Phan Khánh Linh	7,50	Bảy phẩy năm	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	7,00	Bảy
36	Phan Thị Liên	7,50	Bảy phẩy năm	76	Nguyễn Hải Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
37	Hoàng Thị Liền	7,50	Bảy phẩy năm	77	Đàm Thị Yến	7,00	Bảy
38	Nông Thị Thúy Lưu	8,00	Tám	78	Trần Thị Bạch Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
39	Đinh Thị Lụa	8,00	Tám	79	Lương Thị Hải Yến	7,00	Bảy
40	Hà Vũ Mạnh	7,25	Bảy phẩy hai năm	80	Triệu Kim Ngân (K03)	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,75: 01 điểm; Điểm 7,00: 06 điểm; Điểm 7,25: 14 điểm; Điểm 7,50: 33 điểm; Điểm 7,75: 04 điểm; Điểm 8,00: 20 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Triệu Văn Lượng	**Đoàn Thị Vân Thúy**	**Trịnh Thị Ánh Hoa**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
TỈNH ỦY CAO BẰNG